

Biểu TS-09

THU, NỘP PHÍ, LỆ PHÍ TÀI NGUYÊN TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN Đơn vị báo cáo: Cục TS

Ban hành kèm theo TT số
.../2022/TT-BTTTT

Quý ... /20...

Ngày nhận báo cáo: Quý: Trước
ngày 15 tháng tiếp theo quý.
Năm: Trước 15/3 năm tiếp theo

Năm 20...

Đơn vị nhận báo cáo:
Vụ KHTC, VP Bộ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu thực hiện kỳ này	Cộng dồn thực hiện từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo	Ghi chú
A	B	1	2	3
1	Tổng thu phí, lệ phí sử dụng tần số vô tuyến điện ($1 = 1.1 + 1.2$)			
	<i>Trong đó</i>			
1.1	Lệ phí cấp phép			
1.2	Phí sử dụng tần số			
2	Nộp ngân sách			
3	Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện ($3 = 3.1 + 3.2 + 3...$)			
	<i>Trong đó, theo băng tần</i>			
3.1	(Băng tần 1)			
3.2	(Băng tần 2)			
...	...			

TỔNG HỢP, LẬP BIỂU
(Thông tin người thực hiện)

KIỂM TRA BIỂU
(Thông tin người thực hiện)

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 20...
CỤC TRƯỞNG
(Ký điện tử)

a) Khái niệm, phương pháp tính

Tổng thu lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số vô tuyến điện: Là tổng số tiền gồm lệ phí và phí sử dụng tần số vô tuyến điện đã thu và sẽ thu được theo quy định của pháp luật trong kỳ báo cáo.

Số tiền nộp NSNN từ lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số vô tuyến điện: Là tổng số tiền phải nộp NSNN từ lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật trong kỳ báo cáo.

Số tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện: Là tổng số tiền thu được từ việc cấp quyền sử dụng tần số đối với các băng tần số vô tuyến điện có giá trị cao (băng tần "quý hiếm") trong kỳ báo cáo.

b) Cách ghi biểu

Ghi thông tin, số liệu theo hướng dẫn cụ thể trên biểu mẫu.

c) Nguồn số liệu

Biểu được tập hợp từ dữ liệu hành chính, dữ liệu phục vụ theo dõi sau đăng ký, cấp phép của Cục TS.